

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Ông Đặng Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ông Bùi Long G, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 3305A, khu phố 6, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Ông G vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 177, tổ 05, khu phố 01, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Bùi Long G trình bày:

Ông G và bà C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 3305A, tổ 5, khu phố 6, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tâm đầu ý hợp, tính cách khác nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến bất hòa. Từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Bùi Bảo P, sinh ngày 02/01/2014 và Bùi Quốc T, sinh ngày 03/11/2015, ông G có nguyện vọng giao con cho bà C, ông G cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa đi lại khó khăn và không sắp xếp được công việc nên ông G xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C và ông Bùi Long G tìm hiểu nhau được hơn hai năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 154. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại tổ 5, khu phố 6, phường P, thành phố Bà Rịa. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C phát hiện ra ông G nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, đã nhiều lần bà C khuyên bảo ông G từ bỏ để quay về vì các con cần sự dạy dỗ của người cha nhưng ông G đã bỏ nhà đi sống với người phụ nữ đó. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay, bà C đã cố gắng nói chuyện và hàn gắn tình cảm nhưng ông G vẫn muốn ly hôn, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con. Bà C thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông G.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Bùi Bảo P, sinh ngày 02/01/2014 và Bùi Quốc T, sinh ngày 03/11/2015 hiện nay đang ở cùng bà C nên bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc không thể tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bà C. Giao cháu Phúc và Thái cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ông G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bà C được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông G và bà C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông G về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bà C, thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông G, bà C thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo ông G nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà C thì cho rằng nguyên nhân chính là do ông G có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn nhưng ông G có đơn xin không hòa giải và vắng mặt. Ông G và bà C cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Xét thấy, ông G và bà C đã có một thời gian sống ly thân nhưng không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn là có thật, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G đối với bà C.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông G đồng ý giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là Bùi Bảo P, sinh ngày 02/01/2014 và Bùi Quốc T, sinh ngày 03/11/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông G về việc cấp dưỡng nuôi mỗi

con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Bà C đồng thuận ý kiến ông G

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông G là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Long G về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bà Nguyễn Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Long G được ly hôn với bà Nguyễn Thị C

- Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo P, sinh ngày 02/01/2014 và Bùi Quốc T, sinh ngày 03/11/2015 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Long G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Bùi Long G phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0000810 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông Bùi Long G còn phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/01/2020), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P,
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hồng Nguyệt